

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: MÔ TẢ TÓM TẮT VỀ LÀNG NGHỀ.....	1
1.1. Tên làng nghề.....	1
1.2. Thông tin chung.....	1
1.3. Quy mô sản xuất.....	2
CHƯƠNG II: TÌNH TRẠNG PHÁT SINH CHẤT THẢI VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐÃ THỰC HIỆN.....	4
2.1. Phát sinh chất thải của làng nghề.....	4
2.1.1. Sinh hoạt:.....	4
2.1.2. Sản xuất:.....	4
2.2. Các hoạt động bảo vệ môi trường đã thực hiện.....	4
2.2.1. Hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý nước thải tại làng nghề.....	4
2.2.2. Biện pháp thu gom chất thải rắn thông thường và chất thải rắn nguy hại của làng nghề.	5
2.2.3. Biện pháp công trình xử lý bụi, tiếng ồn.....	5
2.2.4. Công tác lập thủ tục môi trường của các cơ sở trong làng nghề.....	5
2.2.5. Thu phí bảo vệ môi trường.....	5
2.2.6. Tổng vệ sinh đường làng ngõ xóm, nạo vét kênh mương.....	6
2.2.7. Công tác xây dựng hương ước, quy ước về bảo vệ môi trường:.....	6
CHƯƠNG III: KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG...7	7
3.1. Kế hoạch quản lý các cơ sở sản xuất trong làng nghề.....	7
3.2. Thu gom và xử lý chất thải.....	7
3.2.1. Đối với nước thải.....	7
3.2.2. Đối với chất thải rắn.....	7
3.2.3. Biện pháp kiểm tra sức khỏe định kỳ cho người lao động.....	8
3.3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố, rủi ro.....	8
3.3.1. Đối với an toàn lao động tại các cơ sở sản xuất trong làng nghề.....	8
CHƯƠNG IV: TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG LÀNG NGHỀ	10
4.1. Trách nhiệm của các cơ sở sản xuất tại làng nghề.....	10
4.2. Trách nhiệm của UBND xã Thành Lợi.....	10
KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT	11
1. Kết luận.....	11
2. Kiến nghị.....	11
3. Cam kết.....	11

CHƯƠNG I: MÔ TẢ TÓM TẮT VỀ LÀNG NGHỀ

1.1. Tên làng nghề.

Làng nghề dệt truyền thống Quả Linh

1.2. Thông tin chung.

- Làng nghề dệt Quả Linh được UBND tỉnh Nam Định công nhận là Làng nghề dệt truyền thống ngày 01/10/2012 tại Quyết định số 1470/QĐ-UBND ngày 01/10/2012 của UBND tỉnh Nam Định v/v Quyết định công nhận Nghề truyền thống, Làng nghề, Làng nghề truyền thống tỉnh Nam Định đợt I năm 2012.

- Địa chỉ làng nghề: tại xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

- Vị trí địa lý của làng nghề:

+ Làng nghề dệt truyền thống Quả Linh thuộc địa bàn xóm Chợ Gạo, xóm Đông, xóm Hát, xóm Bến, xóm Cuối, xóm Cùng, xóm Chải - xã Thành Lợi - huyện Vụ Bản.

+ Tên nguồn tiếp nhận: Nước thải phát sinh tại làng nghề chủ yếu là nước thải sinh hoạt được thu gom vào cống thu gom nước thải của làng nghề. Sau đó toàn bộ nước được chảy ra mương nội đồng.

+ Mục đích sử dụng của nguồn tiếp nhận: Mương nội đồng có chức năng cấp thoát nước cho hoạt động sản xuất nông nghiệp, đồng thời là nơi tiêu thoát nước thải sinh hoạt của khu dân cư trong khu vực.

- Nguồn nước cấp cho hoạt động sinh hoạt và sản xuất của làng nghề: Hiện tại các hộ trong làng nghề đang sử dụng nguồn nước sạch của Hợp tác xã SXKD DVNN Lê Lợi.

* Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội xã Thành Lợi:

- Điều kiện tự nhiên:

+ Vị trí địa lý, địa hình:

Xã Thành Lợi nằm ở phía Đông Nam huyện Vụ Bản, cách thành phố Nam Định 4 km về phía Bắc. Xã có tổng diện tích tự nhiên là 1148,67 ha, vị trí tiếp giáp như sau:

- Phía Đông giáp huyện Nam Trực.

- Phía Tây giáp xã Liên Bảo.

- Phía Nam giáp xã Liên Minh, Đại Thắng.

- Phía Bắc giáp hai xã Tân Thành.

Địa hình tương đối bằng phẳng với chênh lệch cao độ địa hình $\cos 0,9 \text{ m} \div 1,5 \text{ m}$.

+ Hệ thống sông:

Xã Thành Lợi có cả nguồn nước mặt và nguồn nước ngầm khá dồi dào và phân bố đều giữa các vùng trong xã nên thuận lợi cho hoạt động sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt của người dân trong vùng. Trong đó, sông Đào là nguồn cung cấp nước chủ yếu cho các hoạt động sản xuất và sinh hoạt của nhân dân trong xã.

+ Hệ thống giao thông:

* Đường bộ: Thành Lợi có Quốc lộ 10 và tỉnh lộ 485B chạy qua, hệ thống đường liên thôn, liên xã là những trục giao thông chính phục vụ cho phát triển kinh tế và giao lưu văn hóa - xã hội của xã với các xã trong huyện và các địa phương khác.

* Đường sắt: Trên địa bàn xã có 1,67 km đường sắt Bắc - Nam chạy qua song song với trục Quốc lộ 10 phục vụ cho việc luân chuyển người và hàng hóa.

* Đường thủy: Thành Lợi có sông Đào chảy qua với chiều dài 6,78 km thuận lợi cho việc phát triển vận tải thủy.

- *Điều kiện kinh tế - xã hội:*

+ Thực hiện đường lối phát triển kinh tế xã hội, chính sách của Đảng và Nhà nước trong thời kỳ đổi mới. Chấp hành sự chỉ đạo của huyện ủy - HĐND - UBND huyện. UBND xã đã chủ động xây dựng phát triển kinh tế xã hội của xã, nên kinh tế xã hội của xã tiếp tục được duy trì và phát triển ngày càng mạnh mẽ, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân năm tăng, đặc biệt điện, đường, trường, trạm được đầu tư ngày càng hiện đại hóa, cơ cấu kinh tế của xã chuyển tích cực theo hướng tăng tỷ trọng ngành, đến nay tỷ lệ cơ cấu nông nghiệp thủy sản chỉ còn 15%, công nghiệp xây dựng chiếm 65%, thương mại dịch vụ 20%.

+ Dân số: Dân số của xã Thành Lợi năm 2023 là 16.169 người. Công tác dân số, gia đình - trẻ em đã tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ như: Tư vấn sức khỏe sinh sản cho các chị em trong độ tuổi sinh đẻ thực hiện kế hoạch hóa gia đình, phối hợp với các ban ngành đoàn thể, các cơ sở thôn xóm để vận động chị em thực hiện, tổ chức tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh của xã.

+ Công tác vệ sinh môi trường

- Xã Thành Lợi đã có 01 khu xử lý rác thải tập trung. Rác thải được thu gom thường xuyên nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường của xã. Tuần suất thu gom rác thải từ 2 - 3 lần/tuần.

- Để nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của người dân, công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường đến từng người dân được tổ chức thường xuyên. Xã thường xuyên đôn đốc các cơ sở sản xuất kinh doanh đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường.

1.3. Quy mô sản xuất.

- Làng nghề dệt Quả Linh được UBND tỉnh Nam Định công nhận là Làng nghề dệt truyền thống ngày 01/10/2012 tại Quyết định số 1470/QĐ-UBND ngày 01/10/2012 của UBND tỉnh Nam Định v/v Quyết định công nhận Nghề truyền thống, Làng nghề, Làng nghề truyền thống tỉnh Nam Định đợt I năm 2012.

- Hiện nay do sự thay đổi, chuyển dịch nền kinh tế sản phẩm dệt thủ công của làng nghề không còn đáp ứng được nhu cầu của thị trường và giá trị kinh tế đem lại không cao nên dẫn đến nhiều hộ trong làng dân bỏ nghề.

- Đến thời điểm hiện tại số hộ sản xuất chỉ còn khoảng 40 hộ trên tổng số 1655 hộ trong làng nghề.

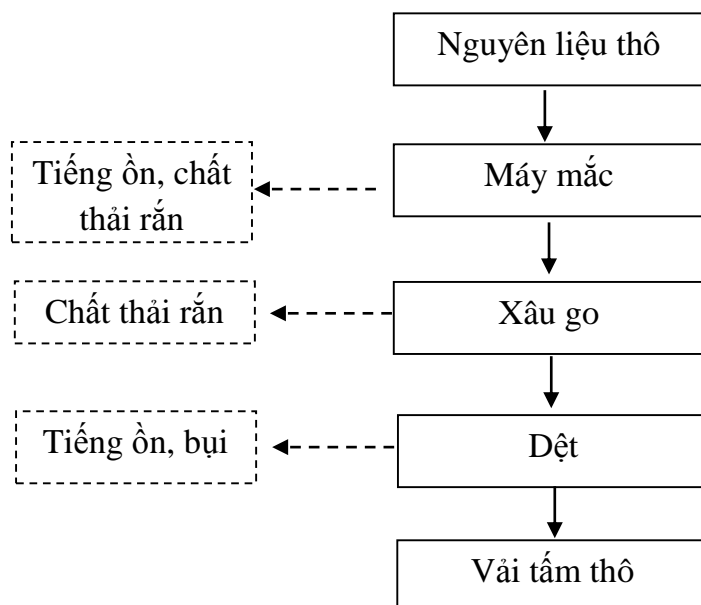
+ Tổng dân số làng nghề khoảng 7.073 người, trong đó số lao động thường xuyên làm việc trong hoạt động sản xuất của làng nghề khoảng 60 người.

- Sản phẩm chủ yếu trong làng nghề là: vải tám thành phẩm.

- Công suất trung bình từ 80-120 m²/ngày.

- Quy trình công nghệ sản xuất của làng nghề:

Sơ đồ 1: Quy trình sản xuất



Chuẩn bị nguyên liệu: Bao gồm các loại sợi tổng hợp hoặc sợi tự nhiên được đưa vào máy móc để sản xuất vải.

Tiền xử lý: Nguyên liệu sợi được xử lý bằng cách rửa sạch và làm mềm để chuẩn bị cho giai đoạn dệt vải.

Dệt vải: Nguyên liệu sợi được đưa vào máy dệt để tạo thành vải. Quá trình dệt vải sẽ được thực hiện theo một quy trình kỹ thuật nhất định, từ việc căng sợi, đan sợi.

Tiếp tục xử lý: Sau khi đã dệt xong, vải được đưa vào máy xén, máy giữ và máy ép để loại bỏ các sợi dư và tạo ra bề mặt mịn và phẳng.

Kiểm tra chất lượng: Vải sau khi qua các bước tiền xử lý và dệt sẽ được kiểm tra chất lượng để đảm bảo rằng sản phẩm cuối cùng đáp ứng được các yêu cầu chất lượng và kỹ thuật.

Kết thúc quá trình sản xuất: Sau khi đã qua kiểm tra, vải sẽ được gấp chặt lại và đóng vào các cuộn vải để chuẩn bị cho giai đoạn tiếp theo của sản xuất.

CHƯƠNG II: TÌNH TRẠNG PHÁT SINH CHẤT THẢI VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐÃ THỰC HIỆN.

2.1. Phát sinh chất thải của làng nghề.

2.1.1. Sinh hoạt:

- Nước thải:
- + Nguồn phát sinh: chủ yếu từ hoạt động sinh hoạt như nấu ăn, tắm giặt, vệ sinh.
- + Thành phần nước thải sinh hoạt chứa hàm lượng lớn các chất hữu cơ đặc trưng bởi các thông số COD, BOD₅, N, P ...

+ Tổng lượng nước thải sinh hoạt trung bình phát sinh của làng nghề:

Theo thực tế hoạt động của làng nghề thì lượng nước sạch phục vụ cho mục đích sinh hoạt khoảng 100 lit/người/ngày. Hiện nay làng nghề tổng 7.073 người đang sinh sống và làm việc do đó tổng lượng nước sử dụng khoảng:

$$7.073 \text{ người} \times 100 \text{ lit/người/ngày} = 707.300 \text{ lít/ngày} = 707,3 \text{ m}^3/\text{ngày}.$$

Ước tính lượng nước thải phát sinh bằng khoảng 80% lượng nước cấp thì lượng nước thải sinh ra khoảng: $707,3 \text{ m}^3/\text{ngày} \times 80 \% = 566 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Chất thải rắn sinh hoạt của làng nghề chủ yếu gồm thực phẩm thừa, túi bóng nilong thải, cành lá cây thải, dụng cụ, đồ dùng hỏng thải ...

Theo thực tế hoạt động của làng nghề thì lượng rác sinh hoạt phát sinh trung bình tại làng nghề là 0,4 kg/người/ngày. Hiện nay làng nghề tổng 7.073 người đang sinh sống và làm việc do đó tổng lượng rác thải sinh hoạt khoảng:

$$7.073 \text{ người} \times 0,4 \text{ kg/người/ngày} = 2.829,2 \text{ kg/ngày} \approx 2,83 \text{ tấn/ngày}.$$

2.1.2. Sản xuất:

- Chất thải nguy hại và thông thường:
- + Chất thải rắn sản xuất thông thường: chủ yếu là sợi vải vụn, bìa cát tông.
- + Chất thải nguy hại: giẻ lau dính dầu từ quá trình bảo dưỡng sửa chữa máy móc, bóng đèn huỳnh quang thải nhưng số lượng không đáng kể.
- Bụi thải phát sinh chủ yếu trong quá trình dệt.

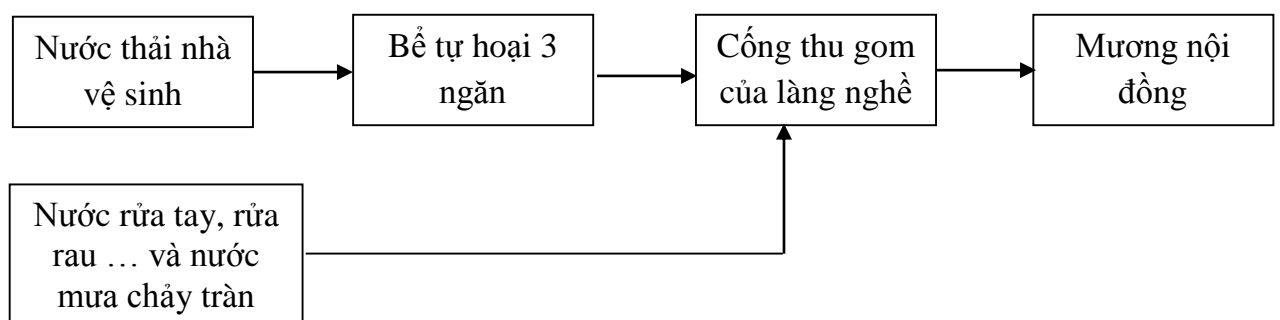
Các hộ sản xuất kinh doanh trong làng nghề có quy mô sản xuất nhỏ do đó lượng bụi thải phát sinh từ khu vực làng nghề là không đáng kể.

- Tiếng ồn phát sinh chủ yếu từ máy móc trong quá trình dệt.

2.2. Các hoạt động bảo vệ môi trường đã thực hiện.

2.2.1. Hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý nước thải tại làng nghề.

Sơ đồ 2: Hệ thống thu gom, thoát nước thải làng nghề



- Nước thải nhà vệ sinh của các hộ dân trong làng nghề được thu gom xử lý qua bể tự hoại cùng với các loại nước thải khác như nước mưa chảy tràn, nước rửa tay, rửa rau ... chảy theo đường cống chung của làng nghề sau đó thải ra ruộng nội đồng xung quanh làng nghề.

2.2.2. Biện pháp thu gom chất thải rắn thông thường và chất thải rắn nguy hại của làng nghề.

+ *Biện pháp thu gom chất thải rắn thông thường:*

Làng nghề dệt truyền thống Quả Linh chưa có khu xử lý chất thải riêng, toàn bộ chất thải rắn của làng nghề được thu gom, xử lý tại khu xử lý rác thải tập trung của xã Thành Lợi.

Các loại chất thải rắn thông thường phát sinh tại làng nghề được thu gom và xử lý như sau:

- Đối với chất thải rắn sản xuất từ các hộ làm nghề như sợi vải thừa, bìa cát tông được thu gom, phân loại bán tái chế cho các cơ sở thu mua phế liệu.

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Rác thải sinh hoạt từ các hộ gia đình được đội thu gom rác của xã đến thu gom, vận chuyển và xử lý tại khu xử lý tập trung của xã. Tần suất thu gom rác thải sinh hoạt từ khu dân cư từ 2 – 3 lần/tuần.

Các hộ trong làng nghề đã thực hiện biện pháp phân loại và thu gom chất thải sinh hoạt và chất thải sản xuất ngay tại nguồn phát sinh và xử lý đúng nơi quy định. Do đó hạn chế được chất thải rắn phát tán ra đường, ruộng nội đồng xung quanh làng nghề.

+ *Biện pháp thu gom chất thải rắn nguy hại:*

UBND xã Thành Lợi đã tuyên truyền, vận động và chỉ đạo tới các hộ sản xuất trong làng nghề chủ động, thu gom, bảo quản đúng quy định. Các hộ vẫn đang thực hiện thu gom chất thải rắn nguy hại, sau khi phân loại chất thải nguy hại được vận chuyển về khu xử lý tập trung của xã để xử lý tập trung theo đúng quy định.

2.2.3. Biện pháp công trình xử lý bụi, tiếng ồn.

Các hộ sản xuất trong làng nghề thực hiện các biện pháp giảm thiểu bụi và tiếng ồn trong quá trình sản xuất như sau:

- Khu vực nhà xưởng thông thoáng và thường xuyên vệ sinh sau mỗi ngày làm việc.

- Các hạng mục công trình được bố trí phù hợp để đảm bảo sự thông thoáng, hạn chế sự lan truyền ô nhiễm và giảm thiểu những ảnh hưởng trực tiếp do chất thải đối với con người và các công trình xung quanh.

- Người lao động làm việc được trang bị khẩu trang, găng tay trong quá trình làm việc.

2.2.4. Công tác lập thủ tục môi trường của các cơ sở trong làng nghề.

Hiện nay, làng nghề hoạt động chủ yếu theo quy mô nhỏ lẻ, hộ gia đình, sản phẩm ít, chất thải phát sinh ít (mỗi hộ chỉ có từ 1 đến 2 máy dệt) nên không phải lập thủ tục môi trường.

2.2.5. Thu phí bảo vệ môi trường.

- Đối với phí nước thải: Hiện nay các hộ trong làng nghề đang sử dụng nước sạch được cấp từ Hợp tác xã SXKD DVNN Lê Lợi. Vì vậy đã thực hiện nộp phí nước thải sinh hoạt cùng với hóa đơn tiền nước hàng tháng.

- Đối với phí thu gom chất thải rắn, phí vệ sinh môi trường: Mỗi hộ gia đình trong làng nghề đã thực hiện nộp phí cho việc thu gom chất thải rắn và phí vệ sinh môi trường.

Các hộ thực đúng và nộp phí bảo vệ môi trường đầy đủ.

2.2.6. Tổng vệ sinh đường làng ngõ xóm, nạo vét kênh mương.

UBND xã thường xuyên phát động phong trào các hộ gia đình thực hiện vệ sinh đường làng ngõ xóm, đặc biệt vào những ngày lễ đảm bảo môi trường làng nghề luôn sạch sẽ.

Hàng năm UBND xã tổ chức nạo vét kênh mương trong làng nghề đảm bảo cho việc tiêu thoát nước nhằm hạn chế ngập úng.

2.2.7. Công tác xây dựng hương ước, quy ước về bảo vệ môi trường:

- Làng nghề dệt truyền thống Quả Linh chưa xây dựng hương ước, quy ước về công tác bảo vệ môi trường làng nghề trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Hiện nay làng nghề chỉ sản xuất nhỏ lẻ nên không thành lập đội tự quản về môi trường làng nghề và UBND xã Thành Lợi không phân bổ kinh phí sự nghiệp môi trường cho công tác bảo vệ môi trường làng nghề.

CHƯƠNG III: KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

3.1. Kế hoạch quản lý các cơ sở sản xuất trong làng nghề

Căn cứ theo phụ lục I danh mục ngành nghề được khuyến khích phát triển tại làng nghề của Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ về việc triển khai thi hành luật bảo vệ môi trường. Làng nghề có loại hình sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ như đúc, rèn truyền thống để sản xuất nông cụ và đồ gia dụng có quy mô dưới 0,2 tấn/ngày/cơ sở được khuyến khích phát triển tại làng nghề. Vì vậy UBND xã thực hiện rà soát các cơ sở đang sản xuất trong làng nghề để có chính sách phù hợp:

- Các cơ sở không thuộc ngành nghề được khuyến khích phát triển tại làng nghề: phải có kế hoạch di dời, chuyển đổi ngành nghề sản xuất theo quy định của cơ quan có thẩm quyền. Phải tuân thủ quản lý nước thải, chất thải rắn, khí thải, tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ và các quy định về bảo vệ môi trường có liên quan khác.

- Các cơ sở được phát triển tại làng nghề: có trách nhiệm lập báo cáo về các biện pháp bảo vệ môi trường của cơ sở mình và gửi Ủy ban nhân dân cấp xã để kiểm tra theo dõi. Tổ chức thực hiện các nội dung về bảo vệ môi trường theo kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc báo cáo về các biện pháp bảo vệ môi trường hoặc hồ sơ, thủ tục tương đương.

3.2. Thu gom và xử lý chất thải.

3.2.1. Đối với nước thải.

Nước thải của làng nghề chủ yếu là nước thải sinh hoạt của các hộ gia đình, cá nhân trong làng nghề chỉ xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn sau đó thải ra hệ thống công thu gom của làng nghề rồi thải ra kênh mương nội đồng.

3.2.2. Đối với chất thải rắn.

*** *Chất thải rắn thông thường.***

- Chất thải rắn sinh hoạt:

- + UBND xã thường xuyên phổ biến các quy định về vệ sinh môi trường đến người dân, yêu cầu người dân không vứt rác bừa bãi, thu gom và đổ rác đúng thời gian, đúng nơi quy định.

- + Yêu cầu mỗi hộ gia đình tự trang bị thùng chứa để thu gom rác thải sinh hoạt không tận dụng.

Ngoài ra yêu cầu các hộ dân thực hiện nghiêm túc các quy định về đóng phí vệ sinh môi trường đầy đủ, kịp thời.

- Chất thải rắn phát sinh từ hộ sản xuất trong làng nghề.

- + Yêu cầu các cơ sở phải thu gom lưu chứa chất thải vào kho chứa quy định. Trong kho sẽ phân thành các thùng chứa để chất thải rắn công nghiệp tái chế, chất thải rắn công nghiệp không tận dụng.

- + Chất thải rắn có thể tái chế được thu gom lưu giữ sau đó bán cho cơ sở tái chế. CTR không tận dụng được thu gom về kho chứa và thuê đơn vị có chức năng đến thu gom và đưa đi xử lý.

*** *Chất thải nguy hại.***

- UBND xã phối hợp thường xuyên tuyên truyền, phổ biến hướng dẫn cho người dân thu gom, lưu giữ và thu gom theo đúng quy định.

- Yêu cầu các cơ sở chấm dứt việc thu gom CTNH cùng chất thải sinh hoạt. Các chất thải nguy hại phải thu gom lưu chứa chất thải nguy hại vào thùng chứa riêng biệt.

- Những cơ sở sản xuất trong làng nghề tùy thuộc vào lượng CTNH phát sinh nhiều hay ít mà các hộ sản xuất tự trang bị thiết bị chuyên dụng để thu gom lưu trữ CTNH cho phù hợp. Các cơ sở này có trách nhiệm thu gom, lưu trữ và tập kết chất thải nguy hại theo đúng quy định.

3.2.3. Biện pháp kiểm tra sức khỏe định kỳ cho người lao động.

Các hộ sản xuất trong làng nghề thực hiện biện pháp kiểm tra sức khỏe định kỳ cho người lao động tại cơ sở mình theo quy định của luật lao động quy định về nghĩa vụ chăm sóc sức khỏe cho người lao động của người sử dụng lao động như sau:

Người sử dụng lao động phải căn cứ vào tiêu chuẩn sức khỏe quy định cho từng loại công việc để tuyển dụng và sắp xếp lao động.

Hàng năm, người sử dụng lao động phải tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, kể cả người học nghề, tập nghề; lao động nữ phải được khám chuyên khoa phụ sản, người làm công việc nặng nhọc, độc hại, người lao động là người khuyết tật, người lao động chưa thành niên, người lao động cao tuổi phải được khám sức khỏe ít nhất 06 tháng một lần.

Người lao động làm việc trong điều kiện có nguy cơ mắc bệnh nghề nghiệp phải được khám bệnh nghề nghiệp theo quy định của Bộ Y tế.

Người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp phải được giám định y khoa để xếp hạng thương tật, xác định mức độ suy giảm khả năng lao động và được điều trị, điều dưỡng, phục hồi chức năng lao động đúng theo quy định của pháp luật.

Người lao động sau khi bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp nếu còn tiếp tục làm việc, thì được sắp xếp công việc phù hợp với sức khỏe theo kết luận của Hội đồng giám định y khoa lao động.

Người sử dụng lao động phải quản lý hồ sơ sức khỏe của người lao động và hồ sơ theo dõi tổng hợp theo quy định của Bộ Y tế.

Người lao động làm việc ở nơi có yếu tố gây nhiễm độc, nhiễm trùng, khi hết giờ làm việc phải được người sử dụng lao động bảo đảm các biện pháp khử độc, khử trùng.”

Như vậy, theo quy định trên, đối với những người làm công việc bình thường thì mỗi năm được khám sức khỏe định kỳ 01 lần. Đối với những người làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thì mỗi năm phải được khám sức khỏe định kỳ 02 lần. Khi người sử dụng lao động tổ chức khám sức khỏe cho người lao động, người lao động có nghĩa vụ phải tham gia khám sức khỏe đầy đủ để người sử dụng lao động lập hồ sơ sức khỏe.

3.3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố, rủi ro.

3.3.1. Đối với an toàn lao động tại các cơ sở sản xuất trong làng nghề.

- Trang bị bảo hộ lao động, kiến thức về phòng chống, sự cố cháy nổ cho công nhân lao động làm việc trực tiếp tại khu vực sản xuất.

- Bảo dưỡng các thiết bị kỹ thuật đảm bảo vận hành an toàn, đúng kỹ thuật.

- Tuyệt đối chấp hành mọi sự chỉ dẫn về an toàn lao động, nội quy phòng cháy và chữa cháy, đặc biệt là vấn đề vệ sinh công nghiệp.

- Nghiêm túc thực hiện chế độ vận hành thiết bị máy móc, quy trình công nghệ, định lượng chính xác nguyên vật liệu, nhiên liệu để giảm bớt lượng chất thải, ổn định

thành phần và tính chất của chất thải tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý và xử lý chất thải.

- Thường xuyên phổ biến kiến thức về an toàn vệ sinh lao động cho người lao động theo quy định.

CHƯƠNG IV: TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG LÀNG NGHỀ

4.1. Trách nhiệm của các cơ sở sản xuất tại làng nghề.

+ Được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận hồ sơ, thủ tục bảo vệ môi trường hoặc có báo cáo về các biện pháp bảo vệ môi trường hoặc hồ sơ, thủ tục tương đương.

+ Thực hiện nghiêm các yêu cầu, nội dung đã cam kết trong hồ sơ môi trường hoặc báo cáo đã được xác nhận.

+ Thực hiện các biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường tương ứng; phân loại chất thải rắn, chuyển cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý theo đúng quy định.

+ Đóng góp đầy đủ các loại phí, nghĩa vụ tài chính về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

+ Định kỳ báo cáo công tác bảo vệ môi trường và quản lý chất thải với UBND cấp xã.

4.2. Trách nhiệm của UBND xã Thành Lợi.

+ Lập trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án bảo vệ môi trường làng nghề trên địa bàn để tổ chức thực hiện;

+ Đôn đốc việc xây dựng nội dung bảo vệ môi trường trong hương ước, quy ước của làng nghề;

+ Bố trí cán bộ có kiến thức về pháp luật, quản lý môi trường theo dõi việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường làng nghề;

+ Quản lý, vận hành và duy tu, bảo dưỡng theo đúng quy định khi được bàn giao, tiếp nhận các dự án, công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường làng nghề; thường xuyên hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện và xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn;

+ Tuyên truyền, phổ biến thông tin, nâng cao nhận thức cho người dân về trách nhiệm bảo vệ môi trường;

+ Hướng dẫn các cơ sở tận thu, tái chế, tái sử dụng và xử lý tại chỗ các loại chất thải; công bố thông tin về hiện trạng môi trường, công tác bảo vệ môi trường làng nghề trên các phương tiện thông tin của địa phương, thông qua các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội tại địa phương và trong các cuộc họp Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân cấp xã;

+ Thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo nội dung của phương án bảo vệ môi trường làng nghề đã được phê duyệt.

+ Trường hợp xảy ra sự cố môi trường, yêu cầu cơ sở để xảy ra sự cố ngừng hoạt động, thực hiện các biện pháp hạn chế phạm vi, mức độ ảnh hưởng, triển khai các hoạt động khắc phục; thông báo ngay cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan có liên quan.

+ Báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện về công tác bảo vệ môi trường, tình hình phát sinh và xử lý chất thải của làng nghề trên địa bàn định kỳ một năm một lần trước ngày 30 tháng 10 hằng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu.

KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT

1. Kết luận.

Báo cáo đã nhận dạng, mô tả được các nguồn thải và tính toán được các loại chất thải, nhận dạng và mô tả được các vấn đề về môi trường và kinh tế - xã hội.

Tính hiệu quả và khả thi của các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, giải quyết được các vấn đề về môi trường và kinh tế xã hội phát sinh từ hoạt động sản xuất của làng nghề.

2. Kiến nghị.

Kính đề nghị UBND huyện Vụ Bản, các ban ngành, phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Vụ Bản quan tâm, chỉ đạo và hỗ trợ để làng nghề dệt truyền thống Quả Linh thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Cam kết.

- Cam kết thực hiện đúng chế độ báo cáo tại quyết định phê duyệt phương án bảo vệ môi trường làng nghề.

- Cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường có liên quan đến làng nghề, kể cả các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

- Cam kết theo dõi và thực hiện đúng các quy định về xử phạt các cơ sở sản xuất trong làng nghề nếu để xảy ra các sự cố.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Văn Tuyên